

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 10/4/2019.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thế Hải.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân Huyện H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019, về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 3 năm 2019.

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Quốc T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn 1, xã Suối Kiết, Huyện H, tỉnh Bình Thuận : Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn 1, xã Suối Kiết, Huyện H, tỉnh Bình Thuận : Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Anh Lê Quốc T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị G. Bởi vì năm 1986, Anh T và Chị G tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc mà nảy sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Lý do chính là về vấn đề kinh tế trong gia đình nên vợ chồng Anh T, Chị G thường xuyên cãi vã lẫn nhau nhưng cũng vì lo cho các con nên Anh T cố gắng

chịu đựng. Nhận thấy bản thân không còn tình cảm thương yêu và không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân với Chị G nên Anh T đã làm đơn yêu cầu ly hôn với Chị G.

- Quá trình chung sống, Anh T, Chị G sinh được 04 người con chung tên là Lê Quốc Đồng, sinh năm 1986; Lê Thị Mai, sinh năm 1988; Lê Thị Nga, sinh năm 1990; Lê Quốc Trí, sinh năm 1993. Hiện nay các con đã trưởng thành nên Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - chị Nguyễn Thị G trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị G và Anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng vẫn sống hạnh phúc. Nhưng khoảng một năm nay thì Chị G phát hiện Anh T có quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ khác, tuy nhiên Chị G cũng bỏ qua không có gây gổ gì với Anh T; cách đây khoảng một tháng thì Anh T thường đi sớm về khuya, nhiều lúc đi cả đêm, Anh T đi làm không lo cho gia đình và tự ăn riêng và đã làm đơn xin ly hôn với Chị G. Chị G nhận thấy vợ chồng đều đã lớn tuổi có con cái, cháu nội, cháu ngoại nên Chị G không đồng ý ly hôn với Anh T.

Về con chung: Chị G, Anh T có 04 người con chung tên là Lê Quốc Đồng, sinh năm 1986; Lê Thị Mai, sinh năm 1988; Lê Thị Nga, sinh năm 1990; Lê Quốc Trí, sinh năm 1993. Hiện nay các con đã trưởng thành nên Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình tố tụng Chị G có trình bày yêu cầu phân chia tài sản chung và giải quyết nợ chung; tuy nhiên Chị G không thực hiện quyền yêu cầu khởi kiện của mình theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203, 227, 228 BLTTDS khoản 1 điều 89, điều 91 Luật HNGĐ năm 2000; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án :

Đề nghị xử cho Anh T được ly hôn với Chị G.

Về án phí: Anh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Huyện H nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Quốc T và chị Nguyễn Thị G tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1986 nhưng Anh T và Chị G không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa Anh T và Chị G nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm và cách sống của mỗi người khác nhau; từ đó dẫn tới vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống. Hiện tại Anh T và Chị G không còn tình cảm thương yêu đối với nhau và độc lập về vấn đề tài chính với nhau. Tại phiên tòa hôm nay, Anh T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với Chị G. Riêng về phần Chị G, tại biên bản lấy lời khai ngày 18/01/2019 (bút lục số 16), và biên bản hòa giải ngày 22/01/2019 (bút lục số 25) Chị G thể hiện ý kiến không đồng ý ly hôn với Anh T vì hiện nay chị nhận thấy chị và Anh T đều đã lớn tuổi, có con cái, cháu nội, cháu ngoại và giữa chị và Anh T còn nhiều vấn đề phải giải quyết với nhau nên Chị G không đồng ý ly hôn với Anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ vợ chồng của Anh T và Chị G được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên hiện nay khi có yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ vào quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 9/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân gia đình năm 2000 để thụ lý, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả xác minh cho thấy: Trong cuộc sống vợ chồng Anh T, Chị G phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù hiện tại Anh T, Chị G vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Anh T vẫn cương quyết ly hôn với Chị G vì không còn tình cảm và không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với Chị G. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho Chị G có cơ hội hàn gắn, tiếp tục chung sống nhưng Anh T vẫn không chấp nhận, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ mà phải đưa vụ án ra xét xử công khai. Điều này chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn vợ chồng Anh T, Chị G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy quan hệ hôn nhân phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân Anh T hiện nay đã không còn tình cảm gì đối với Chị G nữa, do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Vì vậy, cần giải quyết cho Anh T được ly hôn với Chị G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[2] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống Anh T, Chị G sinh được 04 người con chung tên là Lê Quốc Đồng, sinh năm 1986; Lê Thị Mai, sinh năm 1988; Lê Thị Nga, sinh năm 1990; Lê Quốc Trí, sinh năm 1993. Hiện nay các con đã thành niên nên không xét đến.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Nguyên đơn anh Lê Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung; Bị đơn chị Nguyễn Thị G có trình bày yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung và nợ chung trong vụ án ly hôn nhưng Chị G đã không thực hiện quyền khởi kiện của mình theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết việc phân chia tài sản chung và trách nhiệm thanh toán nợ chung theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về án phí*: Cần buộc Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 điều 89, điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Quốc T được ly hôn với chị Nguyễn Thị G.
- *Về án phí*: Anh Lê Quốc T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N 0013085, ngày 11/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện H. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/4/2019); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND Huyện H;
- Các đương sự;
- CC THADS Huyện H;
- UBND xã Suối Kiết;
- Lưu Văn phòng, Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Mận